

Bản án số: 114/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-7-2024.

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Bà Nguyễn Thị Anh Thơ.

2) Ông Võ Nễ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ba, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Bông, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ I, thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1979. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ I, thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2023, bản trình bày ý kiến ngày 27/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà và ông Nguyễn Anh T kết hôn vào ngày 29/10/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của cả hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại nhà ba mẹ bà ở thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Cuộc sống ban đầu vợ chồng rất hạnh phúc.

Đến năm 2016, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo bà M trình bày là do ông T bài bạc, phát sinh nợ nần. Hai bên cũng đã nhiều lần hoà giải, hàn gắn. Tuy nhiên, sau một thời gian,

ông T từ mâu thuẫn vợ chồng dần dần chuyển thành mâu thuẫn với gia đình nhà vợ. Mặc dù bà M đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không hề thay đổi. Từ năm 2022, vợ chồng bà mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông T còn có những hành vi, lời lẽ xúc phạm bà. Nay bà Nguyễn Thị M nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn cách khắc phục. Do đó, bà cương quyết xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung: Nguyễn Tâm N, sinh ngày 12/10/2012 và Nguyễn Tâm C, sinh ngày 01/5/2015.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Do ông T từ trước đến nay vẫn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con đều đặn nên bà M không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, ông Nguyễn Anh T không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết gửi Tòa án, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Anh T. Về con chung, giao hai cháu Nguyễn Tâm N, sinh ngày 12/10/2012 và Nguyễn Tâm C, sinh ngày 01/5/2015 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng; ông T không cấp dưỡng nuôi con; ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Anh T; ông T cư trú tại tổ I, thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ khoản 1

Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Anh T. Tại phiên tòa, ông T vắng mặt, không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hội An căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Anh T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố H vào ngày 29/10/2012 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 47/2012) nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo bà M trình bày là do ông T bài bạc, phát sinh nợ nần. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà M gửi đơn xin ly hôn. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải, nhưng ông T đều cố tình vắng mặt, thể hiện ông không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ gia đình. Bà Nguyễn Thị Minh xác đ không còn tình cảm với ông Nguyễn Anh T và tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà M và ông T đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà M và ông T có hai con chung tên Nguyễn Tâm N, sinh ngày 12/10/2012 và Nguyễn Tâm C, sinh ngày 01/5/2015. Các con hiện nay đang được bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà M đã được giải thích về quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con thành niên nhưng bà vẫn không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Theo bà M, ông T từ trước đến nay vẫn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con đều đặn; do đó, không nhất thiết phải yêu cầu ông T cấp dưỡng. Ông thương con, nhất định sẽ cấp dưỡng để bà nuôi con được tốt hơn. Tại các văn bản ngày 04/4/2024, các cháu N và C đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần giao cả hai con chung cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng là đúng quy định và phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung: Bà M khai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Về Quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Nguyễn Anh T.

2) Về con chung: có hai con chung tên Nguyễn Tâm N, sinh ngày 12/10/2012 và Nguyễn Tâm C, sinh ngày 01/5/2015.

Giao cả hai con cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu ông Nguyễn Anh T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3) Án phí: Án phí Hôn nhân - gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0018869 ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (11/7/2024). Ông Nguyễn Anh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Chi cục THA DS thành phố Hội An;
- UBND xã Cẩm Hà, TP Hội An

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Số: 47/2012, ngày 29/10/2012);
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.